

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 539/2021/TLST/HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021, giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Trương Thị Bảo V, sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú: 23/69 Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: 05, ấp Đ, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Minh, sinh năm 1980; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 23/69 Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 4 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Bảo V và anh Nguyễn Văn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Trương Thị Bảo V và anh Nguyễn Văn M có 02 con chung tên là Nguyễn Bảo An N, sinh ngày 06/01/2014 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 19/10/2016 (Hiện nay, 02 cháu N và A đang do chị V trực tiếp nuôi dưỡng).

Giao 02 cháu Nguyễn Bảo An N và Nguyễn Bảo A cho chị Trương Thị Bảo V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Trương Thị Bảo V và anh Nguyễn Văn M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ về tài sản: Không có ai yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

- Về án phí: Chị Trương Thị Bảo V chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000751 ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hoàn trả cho chị Trương Thị Bảo V số tiền chênh lệch án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
  - VKSND thành phố H;
  - CC THADS thành phố H;
  - UBND P. Đ, Tp Đ,
- tỉnh Quảng Trị (ĐKKH số 49 ngày 02/7/2013);
- Đương sự;
  - Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Lê Văn Hạnh**